

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435 Arlington V.A. 22.205-0635 - U.S.A.

- Political prisoner Registration Form
- IV/
- VEWL
- 1-171 - Yes/No
- Exit Permit Yes/No
- The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet-Nam so that eligibility for U.S admission via the O.D.F. can be established

1.- Applicant in Viet-Nam : NGUYỄN-MINH-ĐÔNG _____
(Last) (Middle) (First)

- S.N. : 64/185450 _____ Rank : Thượng tá Đại đội 41 Quân

- Previous occupation (before 1975) : cán bộ Pháp _____
(Position)

- Date of birth : 01-11-1944 _____ Place of birth Quận Vĩnh Long

- Current address : 260/12# Lê Thái Cổ, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long _____

- Pseudonym name :

2.- Time spent in re-education camp :

- Date From : 11-05-1975 _____ To : 27-07-1979 _____
(04 _____ Years 21 _____ Months 16 _____ Days)

(Time spent by forced residence : _____ Years)

3.- Sponser's name : Đại tá Nguyễn Văn Xinh chỉ huy trưởng

4.- Names of relatives/Acq uaintance in the U.S. _____

Name - Address - Telephone - Relationship

5.- Name of principal applicant (M.A.)

Names of accompanying relatives dependent :

No.	Name	Date of birth	Place of birth	Relationship	Address
1	Nguyễn Thị Huyền	14-7-1950	Long châu VL	vợ	260/12# Lê
2	Nguyễn-minh Đoàn	30-5-1969	Long châu VL	con	Thái Cổ, Phường
3	Nguyễn-minh Hải	10-2-1971	"	con	2 Thị xã Vĩnh
4	Nguyễn-minh Huyền Giản	19-10-1972	"	con	Long.
5	Nguyễn-minh Đức	14-3-1974	"	con	

6.- Additional information. _____

(Signature of Applicant)

Nguyễn-minh-Đông

Báo cáo tình hình (toàn thể) chính trị
POLITICAL OVERALL REPORT

A) Tên ¹⁻ NGUYỄN MINH ĐÔNG B) Tuổi: Ngày sinh 01-11-1944 C) Nơi giam sau cùng Bến già D) Vẫn còn bị giam: Có Không
 Name: NGUYỄN MINH ĐÔNG Age: tuổi Last Camp Đục công An Cửu Long Still Imprisoned: Yes No X

E) Ngày bị giam giữ lần sau cùng. Ngày được thả
 Date of Last Observation/Date of Release 11-5-1975 đến 27-7-1979 F) Sức khỏe trung bình G) Số người thân nhân đi theo
 Date of Last Observation/Date of Release 11-5-1975 đến 27-7-1979 Health trung bình No. of Accompany Relatives 05

H) Chức vụ cũ/Cấp bậc trong quân đội trước Chương Sĩ nhân viên Đại I) Huấn luyện tại Hoa Kỳ
 Former Position/Rank in US Armed Forces Đội H1 Quân cảnh Bưu Pháp Training in US. _____

J) Thân nhân tại Hoa Kỳ/Cố hương Không K) Tên và địa chỉ của thân nhân
 Relatives in US: Không Relatives' Names and Addresses: _____

L) Địa chỉ chỗ trú tại Việt Nam
 Mailing Address in Vietnam 260/12^A Lũy Thái - TC, Phường 2 Thị xã Vĩnh Long

(For GPP Use)
 M) Số hồ sơ _____ N) Thuộc loại nào: _____ O) Priority Date _____ P) Action _____

Nguyễn Minh Đông

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV /

Date:

Ngày: 04.02.1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào sổ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-MINH-ĐÔNG Sex: Male
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 01.11.1944 tại Quê An Vĩnh Long
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 260/12^A Lê Thái Tổ Phường 2
Thị xã Vĩnh Long
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử :
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ hàn điện

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGUYỄN-THỊ-THÚY	14-7-1950	Long châu Vĩnh Long	(M)	U3	
2. NGUYỄN-MINH-ĐOÀN	30-5-1969	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
3. NGUYỄN-MINH-KHAI	01-02-1971	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
4. NGUYỄN-MINH-THUY TIẾN	09-10-1972	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
5. NGUYỄN-MINH-ĐỨC	14-3-1974	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section 1 below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần 1.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN MINH LUÂN (Chết 1989)
2. Mother
Mẹ : ĐO - THỊ THỎNG (Sống)
3. Spouse
Vợ/Chồng : NGUYỄN THỊ THUY (Sống)
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:
- | | | |
|-----|------------------------------|--------|
| (1) | <u>Nguyễn Minh Đoàn</u> | (Sống) |
| (2) | <u>Nguyễn Minh Khai</u> | (Sống) |
| (3) | <u>Nguyễn Minh Châu Viên</u> | (Sống) |
| (4) | <u>Nguyễn Minh Đức</u> | (Sống) |
| (5) | _____ | _____ |
| (6) | _____ | _____ |
| (7) | _____ | _____ |
| (8) | _____ | _____ |
| (9) | _____ | _____ |

6. Siblings
Anh chị em:

- | | | |
|-----|----------------------------------|--------|
| (1) | Chị : <u>Nguyễn Thị Hải</u> | (Sống) |
| (2) | Em : <u>Nguyễn Thị Kim Phụng</u> | (Sống) |
| (3) | " <u>Nguyễn Thị Nguyệt</u> | (Sống) |
| (4) | " <u>Nguyễn Minh Sĩ</u> | (Sống) |
| (5) | " <u>Nguyễn Minh Tuấn</u> | (Sống) |
| (6) | _____ | _____ |
| (7) | _____ | _____ |
| (8) | _____ | _____ |
| (9) | _____ | _____ |

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Ally or(s) :
Họ tên cố-vân Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam :
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☒ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chi trả -crình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN MINH ĐÔNG
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 11-05-1975 Đến: 27-7-1979
3. Still in Reeducation? * Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có _____ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature _____ Date _____
Xý tên : _____ Ngày: 04-12-1980

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- | | |
|---|--|
| 1. Giấy ba trai: Nguyễn-minh-Đông | 6. Thẻ căn cước quân nhân, chứng chỉ tại ngũ của Nguyễn-minh-Đông. |
| 2. Giấy họ khẩu | 7. Chứng minh nhân dân và ảnh của Nguyễn-minh-Đông + Nguyễn-thị-Chuý + Nguyễn-minh-Đoàn + Nguyễn-minh-Khai + Nguyễn-thị-Eiễn + Nguyễn-minh-Dức |
| 3. Khai sinh: Nguyễn-minh-Đông | |
| 4. Hôn thú: Nguyễn-minh-Đông + Nguyễn-thị-Chuý | |
| 5. Khai sinh: Nguyễn-thị-Chuý + Nguyễn-minh-Đoàn + Nguyễn-minh-Khai + Nguyễn-thị-Eiễn + Nguyễn-minh-Dức | |

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

TRẠI CẢI TẠO TỶ CA CỬU LONG

Số: 94/QT-79

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số QT/LL ngày 29-12-77 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 1263/QĐ-UBT-79 ngày 04-7-79 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. **CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỦA LONG**

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN MINH ĐỒNG

Ngày, tháng, năm sinh: 01-11-1944

Quê quán: Quê an Vũng Liêm Cửu Long

Trú quán: 41 Nguyễn Huệ Phường 2 TX Vĩnh Long Cửu Long

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thượng sĩ Khán viên đại đội 41 quan cảnh tư pháp Vĩnh Long

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Hai (Đề xáp xếp đưa ra Nông thôn lao động sản xuất) Huyện,

Quận: Thị xã Vĩnh Long Tỉnh, Thành phố: Cửu Long

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng (Từ ngày ra trại)

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

Ngày 16 tháng 7 năm 1979

GIÁM THỊ TRẠI


Đại úy Võ Ngọc Chương

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ 2208

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Chính

Số nhà: 22/7 Ngõ (hẻm): 15-16-17

Đường phố: Đền CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Vĩnh Long

Tỉnh, thành phố: Vĩnh Long

Ngày 15 tháng 10 năm 1984

Trưởng công an

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

KHAI SANH



Ấu-nhi : (Tên họ)	Nguyễn-Minh-Đồng
Phối :	garçon
Sinh ngày, tháng năm	Le prevrier Novembre 1944
Tại :	Quới-An
Cha : (Tên họ)	Nguyễn Minh Luân
Tuổi :	
Nghề-nghiep :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Mẹ : (Tên họ)	Đỗ Thị Thông
Tuổi :	
Nghề-nghiep :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Vợ (chánh hay thứ) :	vợ Chánh
Người khai :	Nguyễn Minh Luân
Tuổi :	29 Ans
Nghề-nghiep :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Ngày khai :	
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	Đỗ Văn Đạt
Tuổi :	28 Ans
Nghề-nghiep :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	Nguyễn Văn Thông
Tuổi :	36 Ans
Nghề-nghiep :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An

Làm tại Quới-An, ngày 4 tháng November năm 1944

NGƯỜI KHAI,

HỘ-LẠI,

NHÂN CHỨNG,

Nguyễn Minh Luân ký tên
Ký tên đóng dấu

I-Đỗ Văn Đạt ký tên

II-Nguyễn Văn Thông ký tên

SAO Y NỮ ĐỔ CHÁNH KHAI SANH SỐ 144
Năm Một Ngàn chín Trăm Bốn Mười Bốn
Quới-An ngày 24 tháng I DL năm 1966
CHỦ-TỊCH
Ủy Ban Bình Định Xã
(Kí tên UIVINIER)

U.V.A.C.

CHỦ-TỊCH

CHỦ-TỊCH

(Kí tên UIVINIER)

Thị trấn Bình Định xã
Quới-An ngày 26/1/1966

BỘ-LƯU

BỘ-LƯU

BỘ-LƯU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
VĨNH-LONG

QUẬN: CHÂU-THÀNH

XÃ: LONG-CHÂU

Số hiệu 181

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN-MINH-ĐỒNG
nghề-nghiep Quân nhân
sinh ngày Một tháng Mười Một năm 1944 (01-11-1944)
tại Quới-An (Vĩnh-Long)
cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm trú tại KBC.3616
Tên, họ cha chồng Nguyễn-Minh-Luân (s), 54 tuổi.
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng Đỗ-Thị-Thông (s), 50 tuổi.
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ NGUYỄN-THỊ-THỦY
nghề-nghiep Học-sinh
sinh ngày Mười bốn tháng Bảy năm 1950 (14-07-1950)
tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm-trú tại 42-Dại-Lộ Nguyễn-Huệ (Vĩnh-Long)
Tên, họ cha vợ Nguyễn-Văn-Kính (s), 49 tuổi.
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ Trương-Thị-Tư (s).
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới 26-03-1968 (26.3.68)
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế /
ngày / tháng / năm /
tại /

Trích y bốn chánh

LONG-CHÂU, ngày 26 tháng 03 năm 1968

Viên-chức Hộ-tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch



LÊ-NGỌC-MỆO

THỊ-TRƯỞNG QUẬN CHÂU-THÀNH
Đã ký và đóng dấu tại
Vĩnh-Long, ngày 27/3/68

THỦ-TRƯỞNG QUẬN CHÂU-THÀNH
Đã ký và đóng dấu tại
Vĩnh-Long, ngày 27/3/68

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Chi Xá
Huyện, Quận Vĩnh Long
Tỉnh, Thành phố Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 60
Số 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ THUY Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bốn, tháng bảy, năm một chín năm mười (14.07.1950)
Nơi sinh Long Châu (Vĩnh Long)
Dân tộc Minh Quốc tịch Việt - Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Trương Thị Tử</u>	<u>Nguyễn Văn Kinh</u>
Tuổi	<u>1919</u>	<u>1919</u>
Dân tộc	<u>Minh</u>	<u>Minh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>(Chết)</u>	<u>Chở máy</u>
Nơi thường trú	<u>(Chết)</u>	<u>143 Nguyễn Huệ Phường 2 Chi Xá Vĩnh Long</u>

5/89 QĐ 261/QĐ - HT

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Thủy 1950 ngụ 260/12A Lê Thái Tổ Phường 2 Chi Xá Vĩnh Long

Đăng ký ngày 21 tháng 11 năm 1989
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Nguyễn Thị Thủy

Dã Mỹ
Nguyễn Kim Khúc

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 11 năm 1989

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



Nguyễn Minh Khúc

NAM-PHẦN

VIỆT - NAM CÔNG - HÒA

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

Tỉnh Vinh
 Quận Long Châu
 Xã Long Châu

BỒN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1962
 (XÃ Long Châu TỈNH Vinh NAM-PHẦN)

SỐ HIỆU 1175-

Tên, họ đứa con nít	Nguyễn-Vinh-Đoàn
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày 15 tháng này dưới lịch năm một năm chín trăm sáu mươi chín
Sanh tại chỗ nào	Long Châu (Vinh)
Tên họ cha	Nguyễn-Vinh-Đông
Cha làm nghề gì	Quản nhân /
Nhà cửa ở đâu	Đ. 3616
Tên họ mẹ	Nguyễn-Thị-Thủy
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long Châu (Vinh)
Vợ chính hay thứ	Đ. 3616 / 100 Long Châu (Vinh)

Chúng tôi

Trích y bản chính

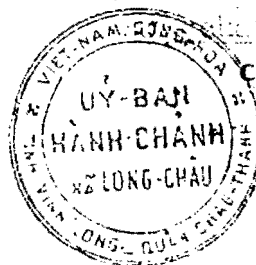
Quận-Trưởng quận

Chúng cho hợp-pháp chữ ký tên ngang đây của
 Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

ngày 6 tháng 6 năm 1962

Quận-Trưởng

Nguyễn Văn Tấn
 Ủy-Ban Hành-Chánh Xã



ngày 6 tháng 6 năm 1962

Chủ tịch kiêm Hộ-Tịch,

C.

Đ. 3616-100

Lệ-phí

Biên lai số

NAM - PHÂN

TỈNH VINH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-CHÂU



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1971

XÃ LONG-CHÂU TỈNH VINH-LONG (NAM-PHÂN)

SỐ HIỆU 269

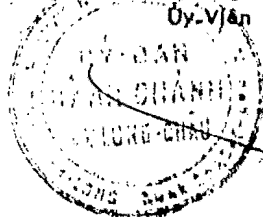


Tên họ đứa con nít	NGUYỄN-MINH-KHAI
Nam Nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày một tháng hai dương lịch năm Lột ngàn chín trăm bảy mươi một-
Sanh tại chỗ nào	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ cha	NGUYỄN-MINH-DŨNG
Cha làm nghề gì	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ mẹ	NGUYỄN-THỊ-THỦY
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh (hôn thú số 181/1968 Longchâu Vinhlong)

Trích lục y như trong bộ

Long-Châu, ngày 6 tháng 2 năm 1971.

Ủy-Viện HỘ-TỊCH.



Lệ phí

Biên lai số

NAM PHẦN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh Long
Quận Châu thành
Xã Longchau

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

Số

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1972

(Xã Longchau TỈNH Vĩnh Long NAM PHẦN)

SỐ HIỆU 2504-



Tên họ đứa con nít	Nguyễn-Minh Thủy-Tiên
Nam nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày chín tháng mười dương lịch năm một nghìn chín trăm bảy mươi hai
Sanh tại chỗ nào	Longchau (Vĩnh Long)
Tên họ cha	Nguyễn-Minh-Dũng
Cha làm nghề gì	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchau (Vĩnh Long)
Tên họ mẹ	Nguyễn-thị-Thủy
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Longchau (Vĩnh Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Sao lục như trong bộ

Longchau ngày 25 tháng 10 năm 19 72

ỦY BAN

kiểm Hộ-Tịch



LÊ NGOC-MEO

Xã Trưởng

Lệ phí

Biên lai số

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-CHÂU

Số hiệu 632

Hồ-sơ quân-quân



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 18 tháng 3 năm 1974

Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN-MINH-ĐỒNG

Con gái hay trai: Nam

Ngày sinh ngày mười bốn tháng ba dương-lịch năm
một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.

Nơi sinh: Long-Châu (Vĩnh-Long)

Tên họ người cha: Nguyễn-Minh-Đồng

Tên họ người mẹ: Nguyễn-Thị-Thầy

Vợ chánh hay không
có hôn thú: Vợ chánh

Tên họ người đứng khai: Nguyễn-Minh-Đồng

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Long-Châu, ngày 20 tháng 03 năm 1974



kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

RL

TRẦN-VĂN-LÂN

Vĩnh Long, ngày 04.02.1990

Chưa ba khúc. Minh. 080.

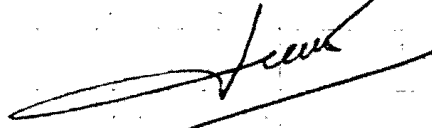
Già rồi chúng tôi chân thành cảm
mức học bà cũng tất cả gia đình và cháu
gia đình bà luôn được an lành.

Xin bà đừng ngại nhiều về người
đã viết các dòng chữ này. Vì tôi là
người đã được nghe nói về bà rất nhiều
nhưng chưa một lần biết bà. Ngay nhiên
khi nắm được địa chỉ của bà trong tay,
tôi thấy niềm hy vọng và mở cửa của
tôi được sang sửa hơn nhiều, nếu không
muốn nó gần như có kết quả. Tôi nói
thế mong bà hiểu cho, vì đầu óc tôi
luôn bị căng thẳng và thiếu mất cái gì rất
quan trọng! Chắc bà đã thừa hiểu! Ngay
gia đình tôi đặt hết niềm hy vọng vào
cường vị và lòng nhiệt tâm của bà,
chúng tôi chỉ còn cái phao để niềm lấy
ở cường vị và lòng nhiệt tâm của bà vì
đó là niềm khao khát của chúng tôi, mong
bà nhiệt tình giúp đỡ cho, dù đó chỉ là

việc làm nhỏ, tuy nhiên kết quả rất lớn
đối với chúng tôi trong hoàn cảnh hiện tại
mà chúng tôi đang chịu đựng.

Chúng tôi rất mong đợi kết quả,
và nếu thấy sớm nhiều bớt về vấn đề
gì xin bà vui lòng nhắc ít thời giờ
để hướng dẫn cho chúng tôi, xin hết
lòng đa tạ.

Xin bà hiểu cho nỗi mắt mắt
trong tâm hồn chúng tôi hiện tại.



Nguyễn Minh Đông

T.B. Kính chúc bà luôn thanh công
trong mọi công việc



VIỆT-NAM ĐÔNG-HẢI
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MUỘI-GÓI-NH
BỘ CHỈ-HUY QUÂN-CẢNH

Số: 1583

QUÂN CẢNH QUỐC- PHÁP

Yêu cầu các cơ quan Quân-Sự, Hành
Chính, đánh điện sự để dạng cho
người mang thẻ này trong khu vực
hành nhiệm vụ C. S. T. Quân-Sự

KBC.4258, ngày 1-5-72
Đại-Tá NGUYỄN-NGỌC-THIỆT
Chỉ-Huy-Trưởng Quân-Cảnh QLVNCH

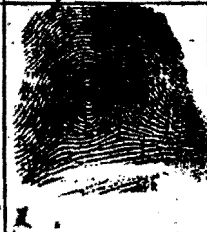


ĐẦU LÀN TAY

Ngón trỏ trái



Ngón trỏ phải



HỌ và TÊN: NGUYỄN-MINH-ĐON

QUÂN: 64/158.450

CẤP TẠI VINH-Long

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

CHỈ-KY

QUÂN

- Thẻ này chỉ dùng để đi ra ngoài phòng CSTP không được mang đi nơi khác.
- Trong trường hợp thẻ này bị mất hoặc hỏng thì xin vui lòng đem nộp lại cho quân cảnh tư pháp gần nhất.

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 04/000448



Họ và Tên : NGUYEN MINH DONG

Cấp bậc : Thượng-sĩ

Số quân : 64/185.450

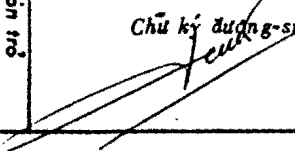
Loại máu : A Rh+

MẤU

QD-849

10.66.TTALAP. O. 2888

	PHU TAY NG N Sanh ngày : 01-11-1944 Tại : Vinh-Binh Con của Ông : NGUYEN-MINH-DUAN và Bà C. VIÊ : DO-THI-THONG RBCN 3402 NG 20.1.1972 Trung-Tá T. A. P. V. N. TIEN, Trưởng Phòng Tổng-Quản-Trí QUAN-KHU 4 Đ. A. M. Duan
* Ai lượm được Thẻ này xin chuyển đến KBC ghi trên. 009 519	

Hiệu lực đến 31-3-75	Hiệu lực đến 30-3-75	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 01-11-1944
	PHẢI		Nơi sinh : Vinh-Bình
			Cha : NGUYEN MINH LUAN
			Mẹ : DO THI THONG
			Địa-chỉ hiện tại : KBC. 3129
			Chữ ký đương-sự 

QUAN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: 100.886

Họ và Tên: NGUYỄN MINH DŨNG

Cấp bậc

Thượng-3

Số quân

64/185,450

Đơn vị

Đại-Đoàn 41 Quân-Sinh/DTTP

KBC 44, Đ. 101-32-74

Quân-Sinh

Quân-Sinh

Quân-Sinh

MẤU

QĐ.750 G/IV

08.74.TTALAP.O.273

01.10.74

(Thay thế mẫu QĐ.750 E ngày 01.10.72) ✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 091/C 177/25

Họ tên NGUYỄN MINH ĐỒNG



Sinh ngày 1944

Nguyên quán Quới An

Vũng Liêm, Cửu Long

Nơi thường trú 260/12 Lê Thái

Tổ F. 2. Vĩnh Long, C-Long

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Công giáo

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI JINH

Sẹo thặng 2cm cách
3cm trên sau mep
trái

Ngày 11 tháng 10 năm 1988

CHỖ CHẤM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Levanova
Lê Văn Khoa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 320035420

Họ tên NGUYỄN THỊ THỦY



Sinh ngày 14-07-1950

Nguyên quán Phường I

Vĩnh-Long, Cửu-Long.

Nơi thường trú 41 Ng-Huệ

Vĩnh-Long, Cửu-Long.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

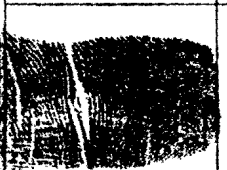
Thiên-Chủ



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT PIẾNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 2,
trên sọ một phôi.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 07 tháng 07 năm 1977

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY

Nguyễn Văn Bang

Nguyễn Văn Bang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 000016534

Họ tên: NGUYỄN MINH ĐOÀN

Sinh ngày: 1969

Nguyên quán: Huyện 2

Vĩnh Long, Cửu Long

Nơi thường trú: 260/12A Khóm 1

F-2, Vĩnh Long, Cửu Long



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Công giáo

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Seo chấm cách 2,5cm
dưới sau cánh mũi
phải

Ngày 22 tháng 09 năm 1985

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN


Nguyễn Trường Chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 322.240376

Họ tên NGUYỄN MINH KHAI

Sinh ngày 1971

Nguyên quán Phường 2

Vĩnh Long, Cửu-Long

Nơi thường trú 260/120, Lê T-
Po, Vĩnh Long, Cửu-Long

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

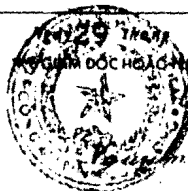
Công giáo

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc tròn 0,3cm cách
2cm trên sau mép phải

NGON TROAI

NGON TROAI



29 Tháng 12 năm 1986

QUẢN ĐỐC HOẶC HUYNH TỶ CÔNG AN

[Signature]

Trương Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 17726

Họ tên

NGUYỄN MINH THỦY TIÊN

Sinh ngày 1972

Nguyên quán Phường 2,

Vĩnh Long, Cửu Long,

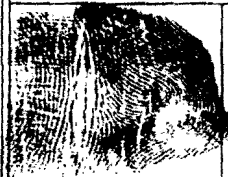
Nơi thường trú 260/12A Lê Thà
Tổ, F2, Vĩnh Long, C-Long,

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Công giáo



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách
1cm trên sau đầu
lông mày trái

Ngày 11 tháng 10 năm 1988



NGÓN TRỎ PHẢI

NGƯỜI GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Le Van Nha
Le Van Nha

Công an

CL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 001051009

Họ tên Nguyễn Minh Đức

Tên thường gọi 1974

Nơi thường trú + 2

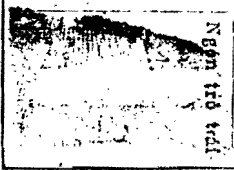
Vĩnh Long CL

Dấu vết riêng hoặc dị hình: *Chỉ số 2*

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân

lại: *FL*

Hẹn đến ngày: *23* / *01* / *89* trả giấy CMND



Ngân hàng

Ngày *23* / *01* / *89*

(Ghi rõ họ, tên người ký)

Choi Lam Uen

Liên tưởng-tình-tư-linh-chính-trí
POLITICAL OPINION REPORT

A) Tên ¹ NGUYỄN-MINH-ĐÔNG
Name: NGUYỄN-MINH-ĐÔNG
B) Tuổi/Đời sống ¹ 01-11-1944
Age: tại Quốc An Vĩnh Long
C) Trại giam sau cùng Bến Giã
Last Camp Cy Công An Cửu Long
D) Vẫn còn bị giam: Có Không
Still Imprisoned: Yes No X
E) Ngày bị giam giữ lần sau cùng/Ngày được thả
Date of Last Observation/Date of Release 11-5-1975 đến 27-7-1979
F) Sức khỏe Trung bình
Health Trung bình
G) Số người thân nhân đi theo
No. of Accompany Relatives 05
H) Chức vụ cũ/Cấp bậc trong quân đội trước Chỉ huy trưởng, nhân viên Đại
Former Position/Rank in US ARMY Đội 41 Quân Cảnh Cựu Pháp
I) Huấn luyện tại Hoa Kỳ
Training in US. _____
J) Thân nhân tại Hoa Kỳ/Cố hương
Relatives in US: Không No X
K) Tên và địa chỉ của thân nhân
Relatives' Names and Addresses _____
L) Địa chỉ chủ trú tại Việt Nam
Mailing Address in Vietnam 260/12^A Lê-thái-Gỗ, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long
(For ORF Use)
M) Số hồ-sơ _____
N) Thuộc loại ưu tiên _____
Category _____
O) Priority Date _____
P) Action _____

Nguyễn-minh-Đông

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI XEP ĐOI

ODP IV 1

Date:

Ngày: 04-12-1990

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road.,
Bangkok Thailand
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN-MINH-ĐÔNG Sex: Nam
Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 01-11-1944 tại Quận Vĩnh Long
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 260/12 Lê Thái Tổ, Phường 1,
Thị xã Vĩnh Long
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : "
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : thợ hàn điện

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. NGUYỄN-THỊ-THUY	14-07-1950	Long châu Vĩnh Long	(M)	Đ3	
2. NGUYỄN-MINH-ĐOÀN	30-5-1969	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
3. NGUYỄN-MINH-KHAI	01-02-1971	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
4. NGUYỄN-MINH-THUY-TIẾN	09-10-1972	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
5. NGUYỄN-MINH-ĐỨC	14-3-1974	Long châu Vĩnh Long	(S)	con	
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho với người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: NGUYỄN MINH LUÂN (Chết 1989)

2. Mother

Mẹ

: ĐO THỊ THÔNG (Sống)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: NGUYỄN THỊ THUY (Sống)

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1) Nguyễn Minh Đoàn (Sống)

(2) Nguyễn Minh Khai (Sống)

(3) Nguyễn Minh Thủy Tiên (Sống)

(4) Nguyễn Minh Đức (Sống)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) Chị Nguyễn Thị Hai (Sống)

(2) Em Nguyễn Thị Kim Phụng (Sống)

(3) " Nguyễn Thị Nguyệt (Sống)

(4) " Nguyễn Minh Sĩ (")

(5) " Nguyễn Minh Quân (")

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Name of American Ally or(s) :
Họ tên cô-văn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam :
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates.

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng-sứ có không? Có ☒ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chi trả -trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

NGUYEN-MINH-ĐÔNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

11-05-1975

To:

Đến:

27-7-1979

3. Still in Reeducation? *

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo? *

Có

Không

X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Vý tên :

Date

Ngày:

04-02-1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Giấy ra trại : Nguyễn-minh-Đông

2. Giấy hộ khẩu

3. Khai bản : Nguyễn-minh-Đông

4. Hôn thú : Nguyễn-minh-Đông + Nguyễn-thị-Chiếu

5. Khai sinh : Nguyễn-thị-Chiếu +

Nguyễn-minh-Đông + Nguyễn-minh-Đông

6/84 Khai + Nguyễn-thị-Chiếu + Nguyễn-minh-Đông

Minh-Đông

6. Chế hãnh tử căn cứ quan nhân +

chứng chỉ tại trụ của Nguyễn-minh-Đông

Đông

7. Chứng nhận nhân dân của : Nguyễn-minh-Đông

Đông + Nguyễn-thị-Chiếu + Nguyễn-minh-Đông

Nguyễn-minh-Đông + Nguyễn-thị-Chiếu +

Nguyễn-minh-Đông và anh

Employment by U.S. Government Agency or Other U.S. Organization of you or your
Sơ-đo/Ban hoặc vợ/chồng đi có làm việc cho công-ty của chính-phu Mỹ hoặc hãng Mỹ

Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Van-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Van-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hang/Van-Phòng :

Length of Employment

Thời gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng, Da.Cong-vu voi
Chính-phu Việt-Nam

Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

NGUYỄN-MINH-ĐÔNG

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Từ

To:

Tới

11-03-1965

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Thượng Sĩ

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: Sq: 64/185450

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/đo/Đơn-Vị Binh-Chung

Đại Đ 41 Quân Cảnh Sư Phá

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan

chỉ-huy

Sĩ tá Nguyễn Văn Xinh, Chi Huy Trưởng
Quân Cảnh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

TRẠI CẢI TẠO TỶ CA CỬU LONG

Số: 01/QT-79

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số QT/TT/L ngày 29-12-77 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 1263/CP-UBT-79 ngày 04-7-79 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. **CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỬU LONG**

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: **NGUYỄN MINH ĐỒNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 01-11-1944

Quê quán: Quê an vùng Liền Cửu Long

Trú quán: 41 Nguyễn Huệ Phường 2 TX Vĩnh Long Cửu Long

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thượng sĩ Nhân viên Đại đội 41 quan cảnh tư pháp Vĩnh Long

- Khi vẽ, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Hai (Đo xáp xep đưa ra Nông thôn lao động sản xuất) Huyện,

Nhân: Thị xã Vĩnh Long Tỉnh, Thành phố: Cửu Long

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng (Từ ngày ra trại)

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường cấp: _____

Ngày 16 tháng 7 năm 1979

GIÁM THỊ TRẠI

[Chữ ký]
Đại úy Vũ Ngọc Chương

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chuyển đến _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Trưởng công an _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Trưởng công an _____

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Trưởng công an _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____
Trưởng công an _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ 2208

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Chí

Số nhà: 22/1 Ngõ (hẻm): 15

Đường phố: _____ Đôn CAND: Quảng

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Vĩnh Long

Tỉnh, thành phố: Quảng

Ngày 15 tháng 10 năm 1984

Trưởng công an: Vũ Văn

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

KHAI SANH



Ấu-nhi : (Tên họ)	Nguyễn-Minh-Đông
Phối :	Garçon
Sinh ngày, tháng năm	Le premier Novembre 1944
Tại :	Quới-An
Cha : (Tên họ)	Nguyễn Minh Luân
Tuổi :	
Nghề-nghiệp :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Mẹ : (Tên họ)	Đỗ Thị Thông
Tuổi :	
Nghề-nghiệp :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Vợ (chánh hay thứ) :	vợ Chánh
Người khai :	Nguyễn Minh Luân
Tuổi :	29 Ans
Nghề-nghiệp :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Ngày khai :	
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	Đỗ Văn Đạt
Tuổi :	28 Ans
Nghề-nghiệp :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	Nguyễn Văn Thông
Tuổi :	36 Ans
Nghề-nghiệp :	cultivateur
Cư-trú tại :	Quới-An

Làm tại Quới-An, ngày 4 tháng November năm 1944

NGƯỜI KHAI, HỘ-LẠI, NHÂN CHỨNG,
Nguyễn Minh Luân Ký tên, I-Đỗ Văn Đạt Ký tên
Ký tên, Đóng dấu II-Nguyễn Văn Thông Ký tên

SAO Y NƯU BỘ CHÁNH KHAI SANH SỐ 144
NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BỐN
QUỚI-AN NGÀY 24 THÁNG I DL NĂM 1966
CHỨNG KIỆN
ỦY BAN BÌNH ĐỊNH XÃ (KIỂM VI VỊNH)
U.V.V.V.V.

Nguyễn Văn Đạt
Nguyễn Văn Thông

Ủy ban Bình Định Xã
Quới-An
26/1/1966
BỘ CHÁNH KHAI SANH
27/1/1966

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
VĨNH-LONG

QUẬN, CHÂU-THÀNH

XÃ: LONG-CHÂU

Số hiệu 181

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng NGUYỄN-MINH-ĐỒNG

nghề-nghiệp Quân nhân

sinh ngày Một tháng Mười một năm 1944 (01-11-1944)

tại Quối-Au (Vĩnh-Long)

cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)

tạm trú tại KBC.3616

Tên, họ cha chồng Nguyễn-Minh-Luân (s), 54 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên họ mẹ chồng Đỗ-Thị-Thông (s), 50 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ NGUYỄN-THỊ-THỦY

nghề-nghiệp Học-sinh

sinh ngày Mười bốn tháng Bảy năm 1950 (14-07-1950)

tại Long-Châu (Vĩnh-Long)

cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)

tạm-trú tại 42-Đội-Lộ Nguyễn-Huệ (Vĩnh-Long)

Tên, họ cha vợ Nguyễn-Văn-Xính (s), 49 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Trương-Thị-Tư (s).

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 26-08-1968 (26-8-1968)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khê /

ngày / tháng / năm /

tại /

Trích y bốn chính

LONG-CHÂU, ngày 26 tháng 08 năm 1968

Viên-chức Hộ-tịch,

Chủ-Tịch kiêm Hộ-Tịch

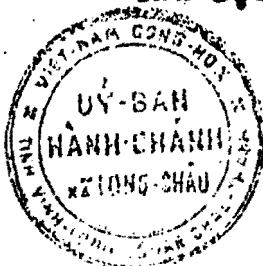
THỊ-TRƯỞNG QUẬN HAY TỈNH

ĐẠI-ĐOÀN HAY QUÂN-ĐỘI

VĨNH-LONG, ngày 27 tháng 8 năm 1968

THỊ-TRƯỞNG QUẬN HAY TỈNH

PHÓ CHỦ-TRƯỞNG



LÊ-NGỌC-MÈO

Xã, phường Chi Xá
Huyện, Quận Vĩnh Long
Tỉnh, Thành phố Cần Thơ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 60



Chấp hành

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN THỊ THUỖ Nam hay nữ Nữ

Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bốn, tháng bảy, năm một nghìn chín trăm mười (14-07-1950)

Nơi sinh Sông Châu (Vĩnh Long)

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Trương Thị Huệ</u>	<u>Nguyễn Văn Kinh</u>
Tuổi	<u>1919</u>	<u>1919</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Chợ mây</u>	<u>Chợ mây</u>
Nơi thường trú	<u>(Chết)</u>	<u>143 Nguyễn Huệ Phường 2 Chi Xá VL Cần Thơ</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Huệ 1950 Ngụ 260/12 Lê Chai Phường 2 Chi Xá Vĩnh Long, Cần Thơ

Đăng ký ngày 21 tháng 11 năm 1959
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai ký

M
Nguyễn Thị Huệ

Phạm

H/00

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

Tỉnh Vĩnh-long
Quận Châu-thành
Xã Long-châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1969
(XÃ Longchau TỈNH Vĩnhlong NAM-PHẦN)

SỐ HIỆU 1175



Tên, họ đứa con nít	nguyên-minh-Đoàn
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	ngày ba mươi tháng năm dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Sanh tại chỗ nào	Longchau (Vĩnhlong)
Tên họ cha	nguyên-minh-Dũng
Cha làm nghề gì	quân nhân /
Nhà cửa ở đâu	ĐC. 3616
Tên họ mẹ	nguyên-thị-Thủy
Mẹ làm nghề gì	Hội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Longchau (Vĩnhlong)
Vợ chính hay thứ	ĐC. 3616 Số: 101/1968 Longchau (Vĩnhlong)

Chúng tôi _____

Trích y bản chính

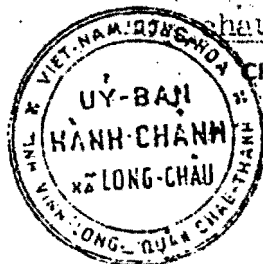
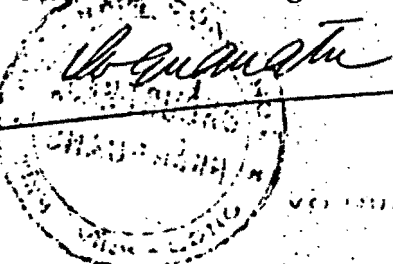
Quận-Trưởng quận Châu-thành

Chứng cho hợp-pháp chữ ký lên ngang đây của

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Longchau

Vĩnh-long, ngày 3 tháng 6 năm 1969

Quận-Trưởng



Longchau, ngày 3 tháng 6 năm 1969

Chủ tịch kiêm Hộ-Tịch,

C.

Lê-ngọc-...eo

Lệ-phí _____

Biên lai số _____

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VINH - LONG

QUẬN CHÂU - THÀNH

XÃ LONG - CHÂU



BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1971

XÃ LONG - CHÂU TỈNH VINH - LONG (NAM - PHẦN)

SỐ HIỆU: 262



Tên họ đứa con nít	NGUYỄN - MINH - KHẢI
Nam Nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày một tháng hai dương lịch năm Lột ngàn chín trăm bảy mươi một -
Sanh tại chỗ nào	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ cha	NGUYỄN - MINH - DŨNG
Cha làm nghề gì	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ mẹ	NGUYỄN - THỊ - THỦY
Mẹ làm nghề gì	Nội - Trợ
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh (hôn thú số: 181/1968 Longchâu Vinhlong)

Trích lục y như trong bộ

Long - Châu, ngày 6 tháng 2 năm 1971.

Ủy viên HỘ - TỊCH,



ỦY VIÊN HỘ - TỊCH

Lệ phí:

Biên lai số:

NAM PHẦN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh Long
Quận Châu thành
Xã Long châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1972

(Xã Long châu TỈNH Vĩnh Long NAM PHẦN)

SỐ HIỆU 2564

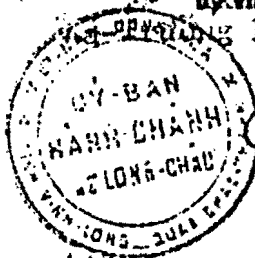


Tên họ dựa con nít	Nguyễn-Minh Thủy-Tiên
Nam nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày chín tháng mười dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Sanh tại chỗ nào	Long châu (Vĩnh Long)
Tên họ cha	Nguyễn-Minh-Đồng
Cha làm nghề gì	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Long châu (Vĩnh Long)
Tên họ mẹ	Nguyễn-thị-Thủy
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long châu (Vĩnh Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Sao lục như trong bộ

Long châu ngày 25 tháng 10 năm 1972

Ủy viên UBND kiêm Hộ-Tịch



LÊ NGỌC-MÊO

Xã-Trưởng

Lệ phí

Biên lai số

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-CHÂU

Số hiệu 632

Hồ-sơ quân-nhân

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 18 tháng 3 năm 1974

Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN-LINH-DŨNG

Con gái hay trai : Nam

Ngày sanh ngày mười bốn tháng ba dương-lịch năm
một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.

Nơi sanh : Long-Châu (Vĩnh-Long)

Tên họ người cha : Nguyễn-Linh-Dũng

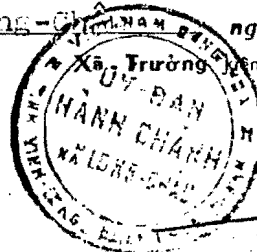
Tên họ người mẹ : Nguyễn-Thị-Thủy

Vợ chánh hay không
có hôn thú : Vợ chánh

Tên họ người đứng khai : Nguyễn-Linh-Dũng

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Long-Châu ngày 20 tháng 03 năm 1974



Ủy-Viên Hộ-Tịch,

[Handwritten signature]

[Handwritten text]



MIỄN THUẾ



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MUỘN QUÂN
BỘ CHỈ-HUY QUÂN-CẢNH

Số: 1583

THUẬN HỒ SƯ QUÂN CẢNH QU PHÁP

Yêu cầu các cơ quan Quân-Sư, Cảnh
Chánh, định một sự để dạng cho
người mang thẻ này trong khi thi
hành nhiệm vụ C.S.T. Quân-Sư.

KBC.4258, ngày 1-5-72
Đại-Tá NGUYỄN-NGỌC-THIỆT
Chỉ-Huy-Trưởng Quân-Cảnh QLVNCH



ĐẦU LÀN TAY

Ngón trở trái

Ngón trở phải



Họ và tên: NGUYỄN-MINH-ĐON

Quê: BẮC

Quê: QUẢNG

64/158.450

Số: 1500154

Cấp tại Vĩnh-Long

Năm: 1970

Chữ ký

[Signature]

Năm: 1970

Năm: 1970

QUỐC

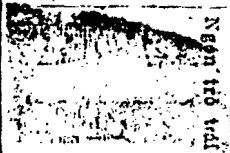
- Thẻ này chỉ dùng để đi công phòng
- CSTP không cho đi công vụ khác.
- Trong trường hợp thẻ này bị mất hoặc hỏng thì phải báo ngay cho cơ quan cấp phát để làm thủ tục đổi mới.
- Thẻ này xin vui lòng đem theo khi đi làm.
- Quân Cảnh Tư Pháp giữ nhất.

Dấu vết riêng hoặc dị hình

Đến san 1000

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
lại: *FL*

Hẹn đến ngày *1* / *11* / *1989* (trả giấy CMND)



Ngày *23* / *01* / *1989*
(Ghi rõ họ, tên người ký)

Chú d'clan cl'ro

Công an

CL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 331051489

Họ tên

Nguyễn Minh Đức

Tên thường gọi

1974

Nơi thường trú

Vĩnh Mỹ

CL

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Công giáo

NGON TRÓ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách
1cm trên sau đầu
lông mày trái

Ngày 11 tháng 10 năm 1988

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGON TRÓ PHẢI

Le Van Nha
Le Van Nha

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~17726~~

Họ tên

NGUYỄN MINH THUY TIÊN

Sinh ngày

1972

Nguyên quán

Phường 2.

Vĩnh Long, Cửu Long.

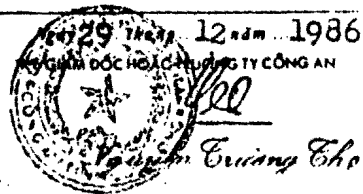
Nơi thường trú 260/12A Lê Thà

Tổ, P2, Vĩnh Long, C-Long,

Dân tộc: kinh .. Tôn giáo: .. công giáo

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm cách
2cm trên sau mẹp f



NGON TRẮNG

NGON TRẮNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~32240340~~ 32240340

Họ tên NGUYỄN MINH KHAI

Sinh ngày 12/10/1971

Nguyên quán Hương 2

Vĩnh Long, Cửu Long

Nơi thường trú 260/12Q Lê T -

Po, Vĩnh Long, Cửu Long

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Công giáo

NGON TRÓ TRAI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Seo chấm cách 2,5cm
dưới sau cánh mũi
phải

NGON TRÓ PHẢI

Ngày 22 tháng 09 năm 1985
KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

[Signature]
Nguyễn Văn Trường Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 090916534

Họ tên NGUYỄN MINH ĐOÀN

Sinh ngày 1969

Nguyên quán Hương 2

Vĩnh Long, Cửu Long

Nơi thường trú 260/12A Khóm 1

P-2, Vĩnh Long, Cửu Long



Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên-Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chạm cách 2,6cm
trên sau mông phải.

Ngày 07 tháng 07 năm 1978

KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỶ

Nguyễn Văn Bang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 000035420

Họ tên: NGUYỄN THỊ THỦY



Sinh ngày: 14-07-1950

Nguyên quán: Phường I

Vĩnh-Long, Cư-Long.

Nơi thường trú: 41 Ng-Huê

Vĩnh-Long, Cư-Long.

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo:

Công giáo

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẹo 2cm cách
3cm trên sau mệp
trái

Ngày 11 tháng 10 năm 1988

NGUYỄN ĐỐC HOÀNG TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Levanor
Le Van Hoa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số chứng minh nhân dân: 177725

Họ tên: NGUYỄN MINH ĐỒNG



Sinh ngày 1944

Nguyên quán: Quốc An,

Yên Liêm, Cửu Long,

Nơi thường trú: 260/12 Lê Thái

Tổ F. 2. Vĩnh Long, C-Long.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: 100.886

Họ và Tên: NGUYỄN MINH DŨNG

Cấp bậc

Thượng-Đô
64/185,450

Số quân

Đơn vị

Đại-Đoàn 41 Chiến-Sách/DTTP

Thị-Khố 24,02

Thị-Khố 24,02

Thị-Khố 24,02

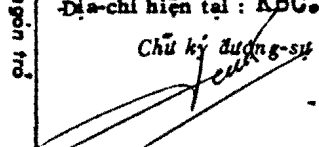
MẤU

QĐ-750 G/IV

01.10.74

06.74.TTALAP.O.273

(Thay thế mẫu QĐ.750 F ngày 01.10.72) ✓

Hiệu lực đến 31-3-75	Hiệu lực đến 30-3-75	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 01-11-1944 Nơi sinh : Vinh-Bình Cha : NGUYEN MINH LUAN Mẹ : DO THI THONG Địa-chỉ hiện tại : KBC. 3129 Chữ ký được-sự 
	PHẢI		

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 04/000448



Họ và Tên : NGUYỄN MINH DONG

Cấp bậc : Thượng-sĩ

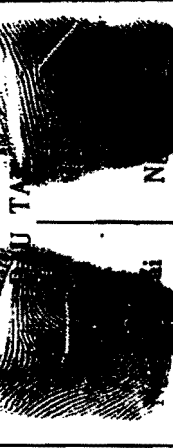
Số quân : 64/185.450

Loại máu : A Rh+

Mẫu

QD-849

10.66. TTALAP. O. 2585



Sanh ngày : 01-11-1944

Tại : Vinh-Binh

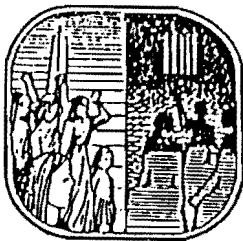
Con của Ông : NGUYEN MINH-DUAN
và Bà C. VIÊ : DO-THI-THONG

KBCN 3402 N 0030.1.1972
Trung-Tá T. A. V. N-TIEN,

Trưởng Phòng T. A. V. N-TIEN, Quân-Tr
QUAN-KHU 4

Nguyen Minh Duan

* Ai mượn được Thẻ này xin chuyển
đến KBC ghi trên. 009 719



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#:

VEWL#:

I-171#:

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

(Ten Tu Nhan)

NGUYEN

Last (Ho)

MINH

Middle

ĐÔNG

First (Ten)

Current Address: 260/12^A Lê Thái Tổ, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, Việt Nam.

Date of Birth: 01-11-1944

Place of Birth: Quảng An, Vĩnh Long

Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975) Chưởng sự, Diên tra Đại đội 41 Quân Cảnh
(Rank & Position) Ex Pháp

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

(Thang - Ngay - Nam)

Dates: From 11-5-1975 To 16-7-1979

Years: 4 Months: 2 Days: 5

3. SPONSOR'S NAME:

(Neu co)

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

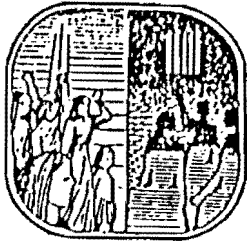
If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-MINH-ĐÔNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN-THỊ-THUY	14-7-1950	ĐB
2. NGUYỄN-MINH-ĐOÀN	30-5-1969	con (trai)
3. NGUYỄN-MINH-KHAI	01-02-1971	con (trai)
4. NGUYỄN-MINH-THUY-TIẾN	09-10-1972	con (gái)
5. NGUYỄN-MINH-ĐỨC	14-3-1974	con (trai)

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MINH ĐÔNG
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 260/12^A Lê Thái Tổ, Phường 2 Thị xã Vĩnh Long - Việt Nam

Date of Birth: 01-11-1944 Place of Birth: Quận An, Vĩnh Long

Thang - Ngay - Nam
Previous Occupation (before 1975) Chưởng lý, Viện tra, Đại đội 41 Quân Cảnh
(Rank & Position) Việt Pháp

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 11-5-1975 To 16-7-1979
(Thang - Ngay - Nam) Years: 4 Months: 2 Days: 5

3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN-MINH-ĐÔNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYEN-THI-THUY	14-7-1950	Vợ
2. NGUYEN-MINH-ĐOÀN	30-5-1969	con (trai)
3. NGUYEN-MINH-KHAI	01-02-1971	con (trai)
4. NGUYEN-MINH-THUY-TIEN	09-10-1972	con (gái)
5. NGUYEN-MINH-ĐỨC	14-3-1974	con (trai)

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

CONTROL

Card

Doc. Request; Form

Release Order

Computer

Form "D"

ODP/Date

Membership; Letter

4/7/90

Vĩnh Long, ngày 08 - 5 - 1990.

Chúa Bà.

Chúng tôi vừa nhận được thư đề ngày 7-4-1990 của Bà. Gia đình tôi rất vui mừng khi biết Bà luôn lo và nghĩ đến chúng tôi. Gia đình tôi xin chúc sức khỏe Bà và luôn giữ gìn được mọi thắng lợi.

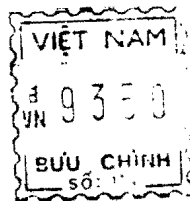
Hay tôi xin gửi 2 mẫu hồ sơ này để xin được bổ túc thành phần hồ sơ của tôi lên trước. Xin Bà xem xét và giúp đỡ nếu còn gì thiếu sót, mong Bà thông cảm cho.

Quy nhiên tôi rất bằng khoăn; vì không rõ hồ sơ đã đầy đủ chưa, nhất là có đủ điều kiện không? còn phải chờ đợi ra sao! Mặc dù phần chúng tôi đã hết sức cố gắng lo vì phía chúng tôi.

Xin Bà Thấu rõ cho chúng tôi, và hãy mong được tin mừng.

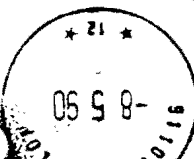
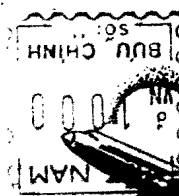

Nguyễn Minh Đông

FROM: Nguyễn Minh Đông
26 Phố Lê Thái Tổ, F2
Thị xã Vĩnh Long



JUN 04 1990

PAR AVION



TO: Bà Khúc Minh Chi
P.O. Box 5435, Arlington,
VA 22205-0635

PAR AVION



PC

ps

10

98

7

N.G. Nguyễn Minh - Đồng
260/12 Lê Thái Tổ, Phường 2
Chi xã Vĩnh Long

PAR AVEN

FEB 21 1970

155g. =

40.400

Kg: Bà Khúc Minh Thô

P.O. Box 5435

Arlington Va 22205 - 0635 U.S.A.



